TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Thị Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoà và bà Trần Thị Hoà

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Trọng Th, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 9, xã N, huyện C, tỉnh Đ. Có mặt

- *Bị đơn*: Chị Trần Thanh Tr, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 6, xã N, huyện C, tỉnh Đ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Trọng Th trình bày: Anh Th và chị Tr chung sống, kết hôn với nhau năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông. Việc chung sống và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được. Đến tháng 6 năm 2024, anh Th và chị Tr đã sống ly thân cho đến nay. Anh Th không còn tình cảm với chị Tr, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Th đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr.

Quá trình chung sống anh Th và chị Tr sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh, sinh ngày 12/5/2018 và cháu Nguyễn Cát Ngọc S, sinh ngày 28/7/2020.

Về con chung: Anh Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Cát Ngọc S; giao cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởnh thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Trần Thanh Tr trình bày: Chị Tr kết hôn với anh Th năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông. Việc chung sống và kết hôn là tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống chị Tr và anh Th sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh, sinh ngày 12/5/2018 và Nguyễn Cát Ngọc S, sinh ngày 28/7/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bình thường nhưng anh Th hay uống rượu rồi về đánh đập chị Tr. Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Th thì chị Tr đồng ý ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị Tr thừa nhận có 02 con chung với anh Th là cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh, sinh ngày 12/5/2018 và cháu Nguyễn Cát Ngọc S, sinh ngày 28/7/2020. Chị Tr có nguyện vọng được nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/7/2024, anh Th và chị Tr thoả thuận:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng Th và chị Trần Thanh Tr thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Trọng Th và chị Trần Thanh Tr thỏa thuận giao con chung Nguyễn Tuệ Ninh Ngh, sinh ngày 12/5/2018 và Nguyễn Cát Ngọc S, sinh ngày 28/7/2020 cho chị Tr trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tuy nhiên, ngày 25/7/2024 anh Th có đơn thay đổi nội dung hoà giải, không đồng ý với nội dung hoà giải ngày 24/7/2024.

Tại phiên tòa, anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với chị Tr; về con chung anh Th yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Cát Ngọc S, sinh ngày 28/7/2020 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh, sinh ngày 12/5/2018 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); về cấp dưỡng nuôi con: anh Th không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc, chị Tr thừa nhận vợ chồng có cãi vã, mâu thuẫn với nhau nên về quan hệ hôn nhân chị Tr đồng ý ly hôn với anh Th; về con chung: chị Tr có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Tuệ Ninh Ngh, Nguyễn Cát Ngọc S đến tuổi trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: chị Tr không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: chị Tr không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng Th.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng Th được ly hôn với chị Trần Thanh Tr.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh, sinh ngày 12/5/2018 cho chị Trần Thanh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Nguyễn Cát Ngọc S, sinh ngày 28/7/2020 cho anh Nguyễn Trọng Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Trọng Th và chị Trần Thanh Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trọng Th và chị Trần Thanh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Trọng Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Trọng Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết ly hôn với chị Trần Thanh Tr, bị đơn có nơi có cư trú tại Thôn 6, xã N, huyện C, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 20/9/2024 Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên toà có thông báo thời gian mở lại phiên toà đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị Tr kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông vào ngày 23/5/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn: Năm 2017 anh Th và chị Tr kết hôn với nhau, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được,

anh Th và chị Tr đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Chị Tr thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã nhau.

Trong quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên, anh Th và chị Tr không quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo biên bản xác minh ngày 26/8/2024 Ban tự quản thôn 9, xã Nam Dong cho biết: Anh Th và chị Tr có sinh sống tại thôn 9, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; đối với mâu thuẫn vợ chồng của anh Th, chị Tr Ban tự quản thôn không nắm được mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng. Tuy nhiên, hiện nay anh Th và chị Tr đã sống ly thân, chị Tr về sống với mẹ đẻ tại Thôn 6, xã N, huyện C, tỉnh Đ.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Trọng Th được ly hôn với chị Trần Thanh Tr.

[3.2] Về con chung: Anh Th và chị Tr có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh, sinh ngày 12/5/2018 và cháu Nguyễn Cát Ngọc S, sinh ngày 28/7/2020. Tại phiên tòa, anh Th đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Cát Ngọc S; giao cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh cho chị Tr nuôi dưỡng, chăm sóc; về cấp dưỡng nuôi con: anh Th không yêu cầu giải quyết. Tại bản tự khai và biên bản hoà giải chị Tr có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu Nghi và cháu San, về cấp dưỡng nuôi con chị Tr không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo con chung được nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Tại phiên toà, anh Th thừa nhận sau khi ly thân cháu Nguyễn Cát Ngọc S sống cùng anh Th và cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh sống cùng chị Tr; Nơi ở của anh Th, chị Tr đều gần trường học thuận tiện cho việc đi lại, học tập của các cháu; anh Th, chị

Tr không ai chứng minh được mức thu nhập hàng tháng của mình. Vậy, điều kiện nuôi con chung của các bên là ngang nhau. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cháu Nguyễn Cát Ngọc S, sinh ngày 28/7/2020 cho anh Nguyễn Trọng Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu đến đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh, sinh ngày 12/5/2018 cho chị Trần Thanh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi là phù hợp. Xét yêu cầu của chị Tr được nuôi 02 con chung là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Anh Th và chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, anh Th phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng Th được ly hôn với chị Trần Thanh Tr.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Cát Ngọc S, sinh ngày 28/7/2020 cho anh Nguyễn Trọng Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Nguyễn Tuệ Ninh Ngh, sinh ngày 12/5/2018 cho chị Trần Thanh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng Th phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Th đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0005128 ngày 28/6/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- UBND Nam Dong;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Thị Hường